

Bản án số: 66/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 10 - 9 - 2020

V/V tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY-TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phan Thanh Sơn.**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông: **Đặng Thế Ứng.**

2. Ông: **Cao Châu Tiếp.**

**- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà **Huỳnh Thanh An** - Cán bộ TAND thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 252/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2020 về việc “Tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự.

1. *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị N**, sinh năm 1970. (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp H, xã Q, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Ông **Trịnh Văn L**, sinh năm 1971. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã Q, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/7/2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Trần Thị N trình bày:* Do quen biết trước ông Trịnh Văn L và bà Trần Thị N được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới với nhau vào tháng 5 năm 1993, không có đăng ký kết hôn. Sau khi về sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm nhau trong cuộc sống, sống với nhau không hợp tánh tình, từ đó dẫn đến vợ chồng cãi vã nhau thường xuyên; vợ chồng ly thân và cắt đứt quan hệ vợ chồng từ tháng 6 năm 2019 cho đến nay. Nay bà N yêu cầu xin được ly hôn với ông L, vì cho rằng tình cảm vợ chồng không còn nên đoàn tụ lại sống không hạnh phúc.

- Về con chung: 01 con tên Trịnh Duy A, sinh ngày 27/8/1994. Về con chung đã thành niên và có khả năng lao động để nuôi sống bản thân, nên bà N không đặt ra yêu cầu để giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Theo bà N để vợ chồng tự thỏa thuận, nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Tại lời khai trong các biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn anh Trịnh Văn L trình bày: Về quan hệ hôn nhân cũng như nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn như lời trình bày của bà N là đúng. Ông L và bà N được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới với nhau vào tháng 5 năm 1993, nhưng không có đăng ký kết hôn. Nay thấy vợ chồng sống không hòa hợp được với nhau, nên ông L cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà N. Về con chung: có 01 con như bà N trình bày là đúng, về con chung đã thành niên và có khả năng lao động để nuôi sống bản thân, nên ông L không đặt ra yêu cầu để giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: để vợ chồng tự thỏa thuận, nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự, các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về quan hệ tranh chấp: Xác định đây là tranh chấp xin ly hôn.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn: yêu cầu xin được ly hôn với ông Trịnh Văn L. Xét thấy, do quen biết trước ông Trịnh Văn L và bà Trần Thị N được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới với nhau vào tháng 5 năm 1993, không có đăng ký kết hôn. Sau khi về sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm nhau trong cuộc sống, sống với nhau không hợp tác tình, từ đó dẫn đến vợ chồng cãi vã nhau thường xuyên; vợ chồng ly thân và cắt đứt quan hệ vợ chồng từ tháng 6 năm 2019 cho đến nay. Tại phiên tòa hôm nay bà N vẫn giữ yêu cầu xin được ly hôn với ông L, vì cho rằng tình cảm vợ chồng không còn nên đoàn tụ lại sống không hạnh phúc. Phía ông L cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà N. Tuy nhiên, do quan hệ vợ chồng giữa ông L và bà N được xác lập vào năm 1993 cho đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Vì vậy, căn cứ vào điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình cần không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trịnh Văn L và bà Trần Thị N.

[3] Về con chung: 01 con tên Trịnh Duy A, sinh ngày 27/8/1994. Về con chung hiện đã thành niên và có khả năng lao động để nuôi sống bản thân, ông L và bà N không đặt ra yêu cầu để giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét để giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Theo ông L và bà N thống nhất với nhau để vợ chồng tự thỏa thuận, không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Nếu sau này phía ông L và bà N không thỏa thuận được với nhau và có tranh chấp thì được quyền làm đơn khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

[5] Về án phí: Bà Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Vì các lẽ trên;***

## **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng các điều 271, 272 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí .

### **Tuyên xử**

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trịnh Văn L và bà Trần Thị N.

2. Về án phí: Buộc bà Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà N đã nộp theo biên lai thu số 0000803 ngày 29/7/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Cai Lậy; nên bà N đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

### **Nơi Nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- UBND xã Phú Quý;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

(Đã ký)

**Phan Thanh Sơn**

